

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2023/DS-ST

Ngày 21 – 03 – 2023

“V/v tranh chấp HĐ vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Linh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Hoàng Sơn

Ông Võ Sĩ Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc – Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 21 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 577/2022/TLST- DS ngày 07/11/2022 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2023/QĐXXST- DS ngày 06/3/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà T, sinh năm 1980. Có mặt.

Địa chỉ: Hẻm số 6, Trần Văn Thời, khóm 2, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Có mặt.

- Bị đơn: Bà L, sinh năm 1970. Có mặt.

Địa chỉ: Số 283, Lý Thường Kiệt, khóm 2, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông H, sinh năm 1969. Địa chỉ: Số 283, Lý Thường Kiệt, khóm 2, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Có mặt.

2. Ông N, sinh năm 1979. Địa chỉ: Hẻm số 6, Trần Văn Thời, khóm 2, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án được bổ sung tại phiên tòa bà T trình bày:

Do chỗ quen biết, vào năm 2019, vợ chồng ông H và bà L có vay của vợ chồng bà số tiền 2.500.000.000 đồng; lãi suất 3%/tháng, mục đích vay để trang trải việc làm ăn lúc khó khăn của gia đình; thời hạn trả hàng tháng gom tiền xe được bao nhiêu thì trả bao nhiêu cho đến thanh toán xong nợ.

Trong quá trình vay nợ, vợ chồng ông Hồng, bà Trang đã trả lãi được 03 tháng lãi với tổng số tiền 65.000.000 đồng và sau đó không trả lãi nhưng đến ngày

24/9/2021, vợ chồng ông Hồng, bà Trang đã trả được số tiền 1.000.000.000 đồng, còn lại 1.500.000.000 đồng nên bà Trang viết biên nhận ngày 24/9/2021 còn nợ số tiền 1.500.000.000 đồng và hứa đến tháng 24/5/2022 sẽ thanh toán đủ số tiền nêu trên cho vợ chồng ông bà nhưng không trả. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông H và bà L trả tổng số tiền 1.923.300.000 đồng. Trong đó tiền vốn là 1.500.000.000 đồng, tiền lãi từ ngày 24/9/2021 đến ngày xét xử (ngày 21/3/2023) là 17 tháng, 27 ngày, tính tròn là 17 tháng, với lãi suất 1,66%/tháng = 423.300.000 đồng.

Theo bản tự khai ngày 28/11/2022 trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa bị đơn bà L trình bày: Bà Trang thừa nhận số tiền vay, thời gian vay tiền, mục đích vay, thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả và quá trình thực hiện, vợ chồng bà đã trả cho vợ chồng bà Thúy được số tiền vốn 1.000.000.000 đồng vào ngày 24/9/2021, không trả lãi theo lời trình bày của bà Thúy là đúng. Sau khi trả được số tiền vốn 1.000.000.000 đồng vào ngày 24/9/2021, vợ chồng bà còn nợ vợ chồng bà Thúy số tiền 1.500.000.000 đồng, bà viết biên nhận nợ ngày 24/9/2021 cho vợ chồng bà Thúy. Hiện vợ chồng bà còn nợ vợ chồng bà Thúy số tiền 1.500.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 24/9/2021 cho đến nay.

Đây là khoản nợ chung của vợ chồng. Vì vậy, bà Thúy yêu cầu vợ chồng bà trả số tiền vốn 1.500.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 24/9/2021 đến ngày 21/3/2023 là 17 tháng, lãi suất 1,66%/tháng = 423.300.000 đồng, bà đồng ý. Bà không có yêu cầu gì đối với số tiền lãi 65.000.000 đồng đã trả cho vợ chồng bà Thúy.

Theo bản tự khai ngày 28/11/2022 trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan N trình bày: Ông thông nhất với lời trình bày của bà T; số tiền 2.500.000.000 đồng này là tài sản chung của vợ chồng; vợ chồng ông cho vợ chồng ông Hồng vay tiền, nhưng vợ chồng ông Hồng đã trả được 03 tháng lãi với số tiền 65.000.000 đồng thì ngưng không trả nữa. Đến ngày 24/9/2021 trả được 1.000.000.000 đồng tiền vốn và hứa hẹn đến tháng 24/5/2022 thanh toán số tiền 1.500.000.000 đồng còn lại, nhưng vợ chồng ông Hồng không trả. Ông đồng ý để cho bà Thúy yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Hồng có trách nhiệm trả tổng số tiền 1.923.300.000 đồng để thu hồi nợ.

Tại biên bản làm việc ngày 29/11/2022, và được bổ sung tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông H trình bày: Vào năm 2019, vợ ông là bà L có vay của vợ chồng bà T số tiền 2.500.000.000 đồng; lãi suất 3%/tháng, mục đích vay để làm gì thành ông không biết. Đến năm 2020, ông mới biết số tiền nợ vay của vợ ông là bà L nợ vợ chồng bà T. Khi đó bà T đến tìm ông để yêu cầu ông trả số nợ trên và ông đã trả cho vợ chồng bà T số tiền 1.000.000.000 đồng.

Ông và bà L có đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố Cà Mau và đến nay, ông và bà Trang vẫn tồn tại mối quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định pháp luật. Hiện tại ông và bà Trang có hai người con chung, có tài sản chung và chung sống trong một mái nhà.

Ông thừa nhận vợ chồng còn nợ vợ chồng bà Thúy số tiền 1.500.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 24/9/2021 đến nay. Ông xin vợ chồng bà Thúy 500.000.000 đồng tiền vốn. Vì trước đây vợ chồng bà Thúy đồng ý bớt cho ông thì

ông bán nhà để trả nợ cho bà Thúy, nếu bà Thúy không cho thì ông không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì khoản nợ này ông không biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

[1.2] Về thẩm quyền Tòa án giải quyết: Bị đơn bà L có nơi cư trú tại số 283, Lý Thường Kiệt, khóm 2, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau nên Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về nội dung tranh chấp: Do chỗ quen biết, vào năm 2019, vợ chồng bà T, ông Võ Chí Nguyễn cho vợ chồng bà L, ông H vay số tiền 2.500.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 3%/tháng, mục đích vay để trang trải việc làm ăn của gia đình lúc khó khăn; thời hạn trả hàng tháng gom tiền xe được bao nhiêu thì trả bao nhiêu cho đến thanh toán xong nợ. Việc vay mượn tiền hai bên thỏa thuận bằng lời nói. Quá trình thực hiện, ông Hồng, bà Trang không trả lãi. Đến vào ngày 24/9/2021, vợ chồng bà Trang, ông Hồng đã trả được số tiền vốn 1.000.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 1.500.000.000 đồng, bà Trang viết biên nhận nợ ngày 24/9/2021 cho vợ chồng bà Thúy; thỏa thuận đến ngày 24/5/2022 vợ chồng bà Trang, ông Hồng sẽ thanh toán đủ số tiền nêu trên, nhưng vợ chồng bà Trang, ông Hồng không trả, nên phát sinh tranh chấp.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.2.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về số tiền vốn vay:

Bà Thúy yêu cầu vợ chồng bà Trang, ông Hồng trả số tiền vốn vay là 1.500.000.000 đồng. Bà Trang thừa nhận nợ và đồng ý trả theo yêu cầu khởi kiện của bà Thúy, còn ông Hồng cho rằng vợ chồng còn nợ bà Thúy 1.500.000.000 đồng, nhưng xin bà Thúy 500.000.000 đồng, còn 1.000.000.000 đồng, ông Hồng sẽ bán nhà trả nợ. Xét thấy, lời thừa nhận nợ của vợ chồng bà Trang, ông Hồng phù hợp với biên nhận ngày 24/9/2021, cùng nhiều tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vợ chồng bà Trang, ông Hồng còn nợ vợ chồng bà Thúy số tiền 1.500.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 24/9/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là thực tế có xảy ra. Vì vậy, bà L, ông H phải có nghĩa vụ trả cho bà Thúy số tiền vốn 1.500.000.000 đồng.

[2.2.2] Đối với yêu cầu tính lãi theo quy định của nguyên đơn:

Bà Thúy, bà Trang, ông Nguyễn và ông Hồng xác định khi vay có thỏa thuận lãi suất 3%/tháng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà Trang trả lãi được 03 tháng với tổng số tiền 65.000.000 đồng thì ngưng không trả nữa. Từ khi viết biên nhận nợ ngày 24/9/2021 cho đến ngày xét xử vụ án vợ chồng bà Trang, ông Hồng không trả lãi cho bà Thúy. Xét thấy, hợp đồng vay tài sản nêu trên, khi giao dịch các bên có thỏa thuận lãi suất, không có tranh chấp về lãi suất. Tại phiên tòa nguyên đơn

yêu cầu điều chỉnh mức lãi suất 1,66%/tháng, thời gian yêu cầu tính lãi từ ngày 24/9/2021 đến ngày xét xử (ngày 21/3/2023) bằng 17 tháng 27 ngày, tính tròn là 17 tháng = 423.300.000 đồng, là có lợi cho vợ chồng bà Trang, ông Hồng nên được chấp nhận.

[2.2.3] Xét thấy khoản nợ vay của bà Trang và ông Hồng là nợ chung người khác nợ lại vợ chồng bà Thúy, ông Nguyễn. Ông Nguyễn đồng ý để bà Thúy khởi kiện bà Trang, ông Hồng thu hồi nợ, ông Nguyễn không có yêu cầu gì trong vụ án nên không xem xét.

[2.2.4] Đối với việc ông H không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thúy. Vì ông Hồng không biết gì về số nợ trên.

Xét thấy, bà Trang và ông Hồng có con chung, tài sản chung và hiện còn chung sống trong một gia đình; tại thời điểm bà Trang vay tiền, viết biên nhận, ký biên nhận nợ cho nguyên đơn, ông Hồng và bà Trang vẫn còn tồn tại mối quan hệ hôn nhân hợp pháp; mục đích vay tiền để trang trải việc làm ăn của gia đình lúc khó khăn, cho nên khoản nợ nêu trên là nợ chung của vợ chồng ông Hồng, bà Trang. Việc ông Hồng cho rằng không biết gì về số nợ trên và không đồng ý trả nợ cho bà Thúy là không có cơ sở. Bởi lẽ, ông Hồng không biết gì về khoản nợ trên thì không có lý do gì ông Hồng thừa nhận nợ và đã trả 1.000.000.000 đồng cho vợ chồng bà Thúy. Ngoài ra, ông Hồng còn cho rằng vợ chồng bà Thúy đã bớt cho ông 500.000.000 đồng tiền vốn, còn nợ lại 1.000.000.000 đồng. Trong khi đó, bà Thúy, ông Nguyễn và bà Trang đều xác nhận không có việc này, ông Hồng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Do đó, lời trình bày của ông Hồng không được chấp nhận.

[2.2.5] Đối với số tiền lãi 65.000.000 đồng bà Trang đã trả vợ chồng bà Thúy trong quá trình thực hiện hợp đồng vay. Đương sự không có yêu cầu nên không xem xét.

Như vậy, từ [2.2.1], [2.2.2], [2.2.3], [2.2.4] và [2.2.5], chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trang và ông Hồng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định; nguyên đơn không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 207 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 37 của Luật Hôn nhân gia đình; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà T.

Buộc L và ông H có trách nhiệm thanh toán cho bà T tổng số tiền là: 1.923.300.000 đồng (trong đó: Tiền vốn vay 1.500.000.000 đồng, tiền lãi 423.300.000 đồng).

Kể từ ngày bà Thúy có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trang, ông Hồng không thi hành xong khoản tiền trên, thì còn phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà L và ông H phải chịu là 69.699.000 đồng (chưa nộp). Ngày 04/11/2022, bà T đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền 33.355.000 đồng theo biên lai thu số 0002403 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại toàn bộ khi bản án có hiệu lực.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu.

(Đã ký)

Nguyễn Văn Linh